

Chân Trời Mới

Văn Phẩm Nguồn Sống – Cơ Quan Truyền Thông Tin Lành

Thế Giới Ngày Nay

Tin Mừng Tại Iraq

Tại một đất nước mỗi ngày đem lại tin buồn, chết chóc, tang thương, các nhà truyền giáo Tin Lành đang phấn khởi về những lời chứng của người Iraq như: “Tôi biết được đôi điều về Chúa Giê-xu và sự sống vĩnh hằng qua một người bạn, và tôi đến nhà thờ này để xem thế nào. Âm nhạc trong nhà thờ này thật là phấn khởi, và người ta bảo rằng Chúa Giê-xu là giải đáp cho nhiều nan đề.”

Mỗi Chủ Nhật hơn 400 người Iraq đến một nhà thờ gọi là Nhà thờ Kinh Thánh Cơ-đốc. Những người này đều từ Hồi Giáo và các nhánh đạo Cơ đốc khác gia nhập vào nhà thờ này.

Ít nhất cũng đã có *chín nhà thờ Tin Lành* được mở ra trong khoảng thời gian tám tháng tại Baghdad. Các cơ quan truyền Tin Lành đã hỗ trợ cho mỗi nhà thờ này khoảng 100 nghìn đô-la để bắt đầu. Cũng trong thời gian vừa kể, hơn 900 nghìn cuốn Kinh Thánh bằng tiếng Ả-rập cùng với hàng trăm tấn thực phẩm và thuốc men đã được gửi đến Iraq. Ngay tại Baghdad có hơn 30 giáo sĩ Tin Lành đang truyền giáo và 150 người khác cũng đã đến thăm xứ này. Một số cơ quan Tin Lành khác chỉ chuyên việc cứu tế, cũng hoạt động rất mạnh.

Tuy nhiên các nhà truyền giáo biết hoạt động của họ rất nguy hiểm. Ngày 15 tháng Ba, có bốn giáo sĩ thuộc Báp-tít miền Nam bị giết chết và một người bị thương khi chiếc xe của họ bị bắn. Dưới chế độ Saddam Hussein các nhà thờ Tin Lành bị coi là bất hợp pháp, nhưng cũng có đến hơn 300 nghìn tín hữu. Mục tiêu của các nhà truyền giáo là huấn luyện và đào tạo nhanh chóng các mục sư người Iraq để họ tự quản các Hội Thánh mới được khai sinh.

Chính phủ Hoa-kỳ tuyên bố rằng: Mỗi cá nhân hoặc các đoàn truyền giáo đang sống và hoạt động tại Iraq phải tự định liệu lấy, vì đây là các tổ chức tư nhân,

họ phải chịu trách nhiệm về an ninh của họ.”

Sở dĩ các nhà truyền giáo nỗ lực làm việc là vì hiện tại Iraq chưa có chính quyền. Khi Iraq đã ổn định, rất có thể việc truyền giáo sẽ bị giới hạn cũng như tại các nước Hồi giáo khác.

Tây Ban Nha

Tân thủ tướng Tây-ban-nha Jose Luis Zapatero thuộc dòng dõi anh hùng ở nước này. Ông nội của tân thủ tướng là một đại úy trong lục quân Tây-ban-nha đã bị quân của tướng fát-xít Francisco Franco đem ra xử bắn trong cuộc nội chiến cách đây 70 năm. Trong khi chờ đợi bị hành quyết, vị đại úy này đã viết một lá thư cho gia đình căn dặn rằng đừng thù ghét những kẻ giết chết ông ta. Ông ta bị bắn chết sau đó nhưng tinh thần tha thứ đã được gia đình tuân thủ. Tân thủ tướng khi còn nhỏ đã từng đọc bức thư này và rất cảm phục ông nội. Ông chủ trương hòa hợp và hòa giải dân tộc, lúc nào cũng lắng nghe và đối thoại để xây dựng đất nước, tránh căm thù và trả thù. Tuy nhiên, khi vừa lên nhậm chức, vị tân thủ tướng đã phải đối đầu với việc khủng bố Hồi Giáo đặt bom làm nổ xe lửa làm cho 200 người thiệt mạng và hàng nghìn người bị thương.

Con Người với Mục Đích

Nguyên văn “The Man with The Purpose” là đề tài của một bài đăng trên tuần báo Time. Đây là Mục sư Rick Warren, tác giả cuốn sách nổi tiếng “The Purpose-Driven Life” hay tạm dịch là *Đời Sống Có Chủ Đích*. Trong 17 tháng cuốn sách này đã phát hành 15 triệu ấn bản. Trong khi đó gần 300 nghìn mục sư trong 50 tiểu bang và 120 nước đã tham dự vào các khoá huấn luyện của vị Mục sư này. Hơn 10 nghìn nhà thờ đã phát động phong trào học 40 ngày về bài học Mục Đích. Cuốn *Đời Sống Có Chủ Đích* mở đầu với hàng chữ này: “Sách không nói về bạn đâu. Nhìn vào chính mình để

tìm giải đáp sẽ không kết quả đâu. Vì nếu làm được thì ai cũng biết rồi. Cũng y như bất cứ một phát minh phức tạp nào, muốn tìm ra mục đích của đời mình là gì, bạn cần phải thuta chuyện với người phát minh ra máy và đọc cuốn chỉ dẫn cách sử dụng – trong trường hợp con người của ta, thì đó là Đức Chúa Trời và quyển Kinh Thánh .”

Mục sư Rick Wären được báo *Christianity Today* gọi là vị mục sư tạo ảnh hưởng nhất hiện nay. Trong cuốn sách Mục sư Warren trích ra đến 1200 phần trong Kinh Thánh làm nền móng cho năm ý niệm để giúp người đi tìm mục đích thành công. Năm ý niệm đó đó là:

1. Hãy làm cho Chúa vui lòng.

Thờ phượng Chúa và kết bạn với Ngài. (Ê-sai 61:3)

2. Hãy trở thành một phần tử hoạt động trong đại gia đình của Chúa.

Hãy chịu thánh lễ báp-tem và gia nhập một nhà thờ. (Giăng 15:5)

3. Hãy cư xử như chính Chúa Cứu Thế.

Công nhận Kinh Thánh là thẩm quyền tối hậu và cương quyết chống căm thù. (Cô-lô-se 2:7)

4. Hãy phục vụ Chúa.

Hãy dùng khả năng Chúa cho để làm việc thiện lành. Hãy vị tha và hạ mình. (1 Cô-rinh-tô 3:5,6)

5. Hãy hoạt động như nhà truyền giáo của Chúa trong đời này.

Hãy chia sẻ với người khác những gì bạn biết về Chúa. Hãy thực hành học Kinh Thánh thường xuyên.

Không ai lại không có khả năng thực hành năm điểm đơn giản này phải không bạn?

Một Lần

Ta Tôi Ta Tôi

Nguyễn Thái Sơn

Nắng chiều vàng nhạt, tỏa khắp phố xá làm dịu hẳn cái nóng gay gắt của buổi trưa trên vỉa hè Sài Gòn. Hai bên phố, tường vôi bọt mầu loang lổ theo thời gian, rêu phong bám đầy, kiến trúc của một thời xa xưa, cũ kỹ còn giữ lại. Đường phố đông nghẹt người và xe từng đoàn, từng đoàn đang hối hả về nhà để kịp bữa cơm chiều. Ở góc đường người ta đứng tụ lại thành từng nhóm, chờ xe buýt, mỗi người một điệu bộ, nói cười giữa những tiếng rao hàng lanh lảnh.

Sinh trưởng và lớn lên ở một quận lỵ nhỏ của miền tây, Sài Gòn là niềm mơ ước thuở bé của tôi. Mỗi lần lên thăm gia đình chị tôi, nhìn phố phường vào những lúc lên đèn, người qua lại bên những ánh đèn rực rỡ chiếu ra từ các bảng hiệu tiệm tôi say mê. Đối với ký ức của tôi Sài Gòn vẫn còn cái uy phong, kiêu kỳ và tráng lệ của hòn ngọc viễn đông, tôi vẫn trân trọng và mê hoặc như ngày nào. Trở lại Sài Gòn lần này, tôi lảng lảng nhớ lại kỷ niệm tuổi thơ. Một cảm xúc phức tạp, vừa lạ lẫm vừa thân quen đang khơi động cái tiềm thức đã ngủ yên của tôi trong nhiều năm qua. Sống ngoài nước, tôi ít có dịp thư thả mục kích cảnh nhộn nhịp của một buổi chiều, cái phối hợp hài hòa giữa khách bộ hành và người đi xe đang chụm đầu lại tại một ngã tư chờ đèn, giống như tư thế của những cầu thủ football đang chuẩn bị ném banh. Sài Gòn, người đông đến chóng mặt... Thả hồn về với dĩ vãng xa xưa, tôi quên lãng mình đang chờ đèn qua đường. Nhà tôi nhắc:

- Kia anh, đi chứ. Đèn xanh cho qua đường rồi.

Theo sau gót chân khách bộ hành, hai chúng tôi bước vội vàng qua đường bên

kia. Chiều tối dần, các bảng tên đường bọt mầu cũ kỹ rất khó đọc. Theo tờ giấy chỉ đường của cô nữ tiếp viên khách sạn, khó khăn lắm chúng tôi mới tìm được con hẻm của nhà giáo sư Thương, một người mà chúng tôi nhận sứ mệnh đến thăm và trao quà từ Mỹ gửi về.

Chúng tôi phải đi một đoạn khá xa. Con hẻm hẹp và sâu. Càng sâu, con hẻm càng vắng vẻ hơn. Họa hoằn lắm chúng tôi mới gặp đôi ba người đi ngược chiều. Vì con hẻm nhỏ, nhà cửa sát dọc theo hai bên lối đi nhỏ hẹp, nằm lụp xụp phía dưới một vài căn nhà lầu cao. Mới chập tối, xung quanh đây đã mang vẻ tịch mịch và tĩnh lặng. Chúng tôi đang lo lắng, thật may, nhà tôi tinh mắt, reo lên vì vừa nhận ra số nhà của giáo sư Thương.

Tôi nhìn đồng hồ, đã hơn 6 giờ chiều. Chúng tôi đứng trước cánh cửa khép kín. Lặng thinh nghe ngóng một hồi lâu, nhưng chúng tôi chẳng nghe một tiếng động nào từ bên trong căn nhà. Nhà tôi nhìn tôi tỏ vẻ thắc mắc. Tôi nhớ lại lời của giáo sư Thịnh cho biết là anh của ông đang sống một mình. Chúng tôi do dự, tiến thoái lưỡng nan, phần muốn gõ cửa, phần toan ra về và sẽ trở lại một ngày khác khi trời còn sáng. Trong lúc bàn tính, chúng tôi bỗng nghe tiếng động gần đó, quay lại, người đàn ông trẻ tuổi đến đứng gần cánh cửa. Anh hỏi thăm chúng tôi:

- Xin lỗi ông bà tìm ai ạ!

Chúng tôi mừng rỡ:

- Chúng tôi tìm giáo sư Thương.

Tôi vừa trả lời xong, nhà tôi tiếp lời:

- Thưa anh, có phải chúng tôi đến đúng nhà không ạ!

- Thưa đúng.

Người đàn ông ngập ngừng:

- Vậy, thưa ông và bà đây là...

Anh bỏ dở, tôi đỡ lời:

- Dạ, tôi là Hùng, còn đây là nhà tôi,

tên Liên. Chúng tôi từ Mỹ về, nhân tiện

đến thăm và mang quà của gia đình ông

Thịnh, nhờ chúng tôi trao cho giáo sư

Thương.

- Tôi là Tấn. Xin ông bà vào nhà chơi.

Tôi sẽ vào trong cho bố tôi biết có ông bà đến thăm.

Anh đẩy mạnh cánh cửa gỗ cũ kỹ, di động cách nặng nề, tiếng kéo kẹt vang lên từ cái bản lề thiếu dầu. Chúng tôi theo anh bước vào phòng khách. Tôi đảo mắt nhìn quanh căn phòng chật hẹp, ít đồ đạc nhưng khá ngăn nắp. Bên phải chúng tôi là chiếc bàn ăn, đặt dưới cái bóng đèn

tròn. Ánh đèn mờ mờ tỏ tỏ ra từ chỗ này chỉ đủ sáng để tôi có thể nhìn ngắm một vài bức tranh cổ treo gần đó, phía dưới là một tủ sách nhỏ. Bộ trường kỷ đặt bên trái, tôi đoán nó là bảo vật được giáo sư Thương trân trọng giữ gìn cho đến nay. Nền xi-măng có vài chỗ nứt nẻ, trần nhà và tường vôi đã bọt mầu theo thời gian. Phía sau chiếc bàn ăn là cái màn vải, ngăn chia trong và ngoài phòng khách. Căn nhà khá lạnh so với khí hậu có phần oi bức bên ngoài.

Tấn kéo hai cái ghế gỗ cạnh bàn ăn và mời chúng tôi ngồi.

- Xin ông bà chờ, tôi vào mời bố tôi ra tiếp chuyện với ông bà.

Chúng tôi tỏ lời cảm ơn:

- Dạ, nhờ anh thưa với giáo sư cho.

Tấn biến nhanh vào trong. Tôi có dịp nghĩ thêm về cuộc sống hiện tại của giáo sư Thương, và em ông, giáo sư Thịnh, người đang có một cuộc sống ổn định trong một khu gia cư dành cho giới trung lưu của Mỹ.

Sau khi đậu tú tài toàn phần, giáo sư Thịnh được Mỹ cấp học bổng du học. Ông được nhận vào Đại học Princeton, một trong các trường nổi tiếng của Hoa Kỳ. Vốn là người thông minh, lại có chí lớn, ông đã theo đuổi và hoàn tất chương trình Tiến sĩ Ngôn Ngữ Học. Sau khi tốt nghiệp, ông được một trường đại học lớn ở miền nam California mời về dạy. Trong thời gian học ở Princeton, ông yêu cô sinh viên người Mỹ gốc Hoa, sau đó hai người kết hôn. Hiện nay cả hai cùng dạy cho trường này. Đời sống của họ khá ổn định. Trước đây, ông đã có ý định về thăm anh mình là giáo sư Thương, nhưng vì bận rộn với việc dạy học và công trình nghiên cứu, nên ông chưa thực hiện được chuyến đi. Lần nữa mãi thì biến cố 1975 xảy đến, ông kẹt không về được. Theo như dự tính, ông sẽ về quê thăm giáo sư Thương năm tới. Chuyến này, ông gửi quà tiền về cho anh mình và nhờ chúng tôi giúp mang đến.

Tôi chưa được hân hạnh gặp giáo sư Thương, chỉ nghe kể về ông. Giáo sư Thương đã từng du học tại Mỹ. Sau khi tốt nghiệp Cao học Anh Văn, ông trở về phục vụ trong ngành giáo dục, ông là giáo sư Anh văn của các trường đại học tại Sài Gòn. Ngoài giờ dạy học, ông còn phục vụ cho cơ quan Hoàn Cầu Khải Tượng (World Vision). Ở trường đại học, giáo sư Thương giữ nhiều chức vụ khác

nhau trong Hội đồng Quản trị, ban giảng huấn. Ông sống kỷ luật, nghiêm nghị, có óc tổ chức và hết lòng với công việc. Trước chuyến về lần này, nhân dịp đối ẩm với vợ chồng giáo sư Thịnh, ông bà cho chúng tôi biết là sau khi miền nam thất thủ, anh của ông đã trải qua hơn bảy năm tù trong nhiều trại cải tạo. Nghe đâu ông bị ghép cho cái tội làm tình báo Mỹ. Sau khi trình diện chính quyền địa phương, người ta không thấy bóng dáng ông trong khu xóm nữa. Sau này, người ta cho biết kẻ cáo tội ông chính người học trò cũ của ông.

Tôi đang miên man nghĩ đến thì ông Thương đứng trước tôi, với nụ cười hiền hoà. Chúng tôi lễ phép đứng lên, đón lấy cái bắt tay chặt chặt và đầy thân ái của ông. Đã ngoài bảy mươi, gầy yếu, nhưng phong cách của ông rất lịch thiệp. Giáo sư Thương chậm rãi tiến đến bộ trường kỷ và mời chúng tôi cùng ngồi với ông. Dù thân thể có vẻ yếu đau, nhưng đôi mắt ông trông rất khỏe, cho thấy một sức sống tiềm tàng trên khuôn mặt đầy nghị lực và vui tươi của ông. Ông nói năng điềm đạm và miệng luôn tươi cười.

Ông ân cần thăm hỏi tôi về hoàn cảnh sống của gia đình người em, duyên cớ nào hai gia đình chúng tôi quen nhau. Chúng tôi trò chuyện vui vẻ. Dù chỉ gặp trong thời gian ngắn, chúng tôi đã tỏ ra thân mật, phần vì ông hao hao giống giáo sư Thịnh.

Sau khi nhà tôi mang gói quà trong đó có thuốc men và một số tiền mặt, trao cho ông, và chỉ dẫn cách dùng thuốc, nhìn lướt qua đồng hồ trên tay, tôi thấy đã hơn tám giờ tối. Tôi nhìn nhà tôi ra dấu. Chúng tôi xin phép ra về và hẹn sẽ trở lại thăm trước khi vợ chồng tôi về Mỹ. Tấn đứng lên tiễn tôi ra cửa, ân cần mời chúng tôi trở lại dùng cơm chiều với gia đình anh. Chúng tôi hứa thu xếp để trở lại. Ra về chúng tôi rất vui vì đã làm xong sứ mạng giáo sư Thịnh giao cho.

Những ngày lưu lại Sài Gòn qua mau. Thu xếp xong một số việc cần thiết, xế chiều hôm ấy chúng tôi đón taxi đến thăm giáo sư Thương lần nữa để chào từ giã. Xe chạy ngang khu thương mại, hàng hóa phô bày ở những cửa hàng đang ở vào giờ cao điểm, kẻ bán người mua trông thật nhộn nhịp, cảnh trí này đã từng mê hoặc tôi ở tuổi thơ. Rồi xe chạy chậm chậm qua khuôn viên của một trường trung học, các em đang nấn ná trong sân

trường, cười đùa hồn nhiên. Nhìn các cô nữ sinh trong chiếc áo dài trắng, áo sơ mi trắng quần xanh đậm của nam sinh, kỷ niệm những ngày còn ngồi ở ghế trung học sống lại trong tôi, thật hạnh phúc. Tôi nhớ tuổi học trò, nhớ những cuộc hẹn hò nơi sân trường, gốc phố sau giờ tan lớp. Xe ngừng lại tại trụ đèn đỏ ở ngã tư gần đó, tôi quay đầu nhìn lại ngôi trường đã lùi về phía sau chúng tôi. Có chút gì nuối tiếc đang theo tôi trở về những ngày xanh đầu yêu đó.

Hình ảnh ngày xưa lảng đãng theo tôi suốt một khoảng đường rất dài, rồi nó bị gián đoạn khi chiếc xe đột ngột ngừng lại trước con hẻm cũ dẫn đến nhà giáo sư Thương. Bây giờ đã gần 4 giờ chiều. Cũng con hẻm này, sinh hoạt chiều thứ Sáu có chút sinh động hơn ngày hôm trước. Trẻ con tụ năm tụ bảy vui đùa trong xóm. Vài sạp hàng nhỏ đặt dưới mái hiên nhà, để bán vật kiếm sống qua ngày. So với những gì mình mục kích lúc này, tôi thấy Sài Gòn, giữa phố thị nhà cửa chen chúc, có hai sinh hoạt thật đặc thù, thật dị biệt. Ngoài đầu phố kia hình như người ta đang chạy đua với thời gian, còn con hẻm vắng này, đời sống bình lặng, người ta chấp nhận cái hiện tại của mình.

Nhà giáo sư Thương đang mở rộng cửa chờ đón khách. Thoáng thấy bóng chúng tôi bước vào, giáo sư và người con niềm nở đón tiếp chúng tôi. Bước vào bên trong, căn nhà sáng sủa hơn lần trước nhiều. Nhìn quanh, chúng tôi thấy có một sự chuẩn bị khá chu đáo. Sau vài câu thăm hỏi, Tấn xin phép vào phía sau mang thức ăn ra.

Trên bàn ăn có thịt quay, canh cải và một món ăn xào còn nóng, thơm ngon do chính tay người con chuẩn bị. Chúng tôi thật cảm động vì chân tình của cha con giáo sư Thương dành cho chúng tôi. Trong bữa cơm, chúng tôi có dịp tìm hiểu thêm về các sinh hoạt thường nhật của nhau. Điều gây ấn tượng hơn cả là sự chăm sóc chu đáo của Tấn dành cho cha mình.

Sau bữa ăn, chúng tôi bày tỏ lòng biết ơn, hứa sau khi về đến Mỹ sẽ viết thư thăm hỏi gia đình giáo sư Thương. Chúng tôi đứng dậy xin phép ra về. Tấn khẩn khoản xin chúng tôi chờ anh giây lát. Trong khi chúng tôi dùng trà, anh nhanh nhẹn thu dọn bàn ăn. Chúng tôi ngồi chờ và theo dõi những công việc quen thuộc của Tấn

chăm sóc cha mình. Anh lấy lọ thuốc ra, rót nước vào ly và đưa cho bố anh uống. Uống xong, anh xin phép đưa giáo sư Thương vào trong nghỉ. Tấn đỡ cha mình đứng dậy và đưa vào trong. Trở ra, Tấn khoác vội chiếc áo ngoài, cùng chúng tôi bước ra cửa. Anh xin được đưa chúng tôi một đoạn đường.

Chúng tôi yên lặng đi bên nhau. Khi ra tới đầu đường lớn, tôi cảm ơn và bảo anh có thể trở lại được rồi. Anh đáp lại:

- Không sao, đằng nào tôi cũng về nhà của tôi.

Bây giờ tôi hiểu ra là Tấn đang sống một nơi khác. Tự nhiên, tôi thấy lo cho giáo sư Thương vì ông ở đơn độc một mình trong căn nhà trống vắng ấy.

- Ông bà có thể đón taxi ngay tại góc hiệu ăn này. Vừa nói anh vừa chỉ về hướng cái bảng chỉ bãi đậu xe cho khách du lịch nước ngoài. Tôi bảo:

- Chúng tôi muốn thả bộ về khách sạn vì tối hôm nay trời mát và dễ chịu.

Anh thoáng vui và bảo:

- Vậy thì tốt quá, tôi xin cùng đi với ông bà một quãng nữa.

Anh nói thêm:

- Tôi ở bên kia phố.

- Ô, anh sống xa bố anh như thế, vậy mà chiều chiều anh đến nấu ăn, cho cụ uống thuốc và chăm sóc cụ à!

Tấn có chút do dự anh ngập ngừng giây lát và hình như anh đang chờ đợi giây phút này từ lâu để nói một điều gì đó.

Đúng như sự dự đoán của tôi:

- Giáo sư Thương không phải bố tôi. Tôi chỉ xưng hô như vậy thôi. Tôi là học trò cũ của ông.

Từ trong ánh sáng mờ ảo của điện đường, chúng tôi thấy nét mặt của anh có chút thay đổi, như là vừa trút đi một gánh nặng khi thốt lên câu nói vừa rồi. Bây giờ thì anh có vẻ tự nhiên hơn:

- Ông bà và tôi chịu cùng chung một quá khứ, nhưng hoàn cảnh đẩy đưa, ông bà ở một phương trời xa xôi bên kia đại dương, còn tôi ở lại chịu đựng những đổi thay mà khi nhắc đến tôi còn rợn người. Nhiều khi tôi muốn chôn vùi cái quá khứ của mình, nhưng gần như mỗi khi nhắc đến nó, thì hình ảnh nghiệt ngã cuộc đời cứ về qua trí óc tôi, lảng vảng, khó chịu. Ngừng giây lát, anh tiếp tục kể cho chúng tôi nghe:

- Năm 1975 tôi vừa học xong năm thứ hai ở đại học Văn Khoa. Giáo sư Thương là thầy dạy Anh ngữ của tôi. Ông có người con gái tên Thủy, học Luật năm thứ nhất và cũng là hoa khôi của trường.

Thỉnh thoảng tôi gặp Thủy cùng với bố đến trường, hay tại phòng làm việc của cha mình. Sau đó, chúng tôi quen nhau và tình yêu chớm nở. Giáo sư Thương rất nghiêm khắc trong quan hệ trai gái. Ông muốn cả hai chúng tôi cố gắng học và hạn chế thì giờ gặp gỡ riêng tư. Tình cảm của tôi và Thủy chưa đi đến đâu thì biến cố 1975 xảy đến. Học lực của tôi khá, nhưng tôi sao lãng việc học nên bị giáo sư Thương đánh rớt cuối khóa. Vì không đủ điểm lên lớp, tôi đâm ra chán nản và bất mãn với ông.

Tấn ra điều suy tư. Anh ngừng giầy lát rồi nói tiếp:

- Biến cố 1975 càng đẩy tôi lún sâu vào con đường lầm lỗi mà chính tôi không thể tha thứ cho mình. Tôi tham gia hoạt động phường xóm, rồi quận thành; trước mặt tôi là một tương lai đầy hứa hẹn. Sau đó không lâu tôi đạt đến một địa vị khá cao trong hàng lãnh đạo nhà nước. Mỗi hạn vì cuộc tình không đi đến đâu và vì không được tiếp tục học năm thứ ba, tôi đã cố tình gán cho bố tôi cái tội liên hệ với tình báo Mỹ. Ông bị gọi đến trình diện và sau đó đã bị đưa vào trại cải tạo.

- Thời gian sau, căn nhà do công sức ông tạo dựng bị nhà nước trưng dụng. Vợ và con ông bị chỉ định đến vùng kinh tế mới để canh tác. Cuộc sống ở đây thiếu thốn mọi mặt, không tiền, không thuốc men khi đau yếu, khí hậu rừng núi ngột ngạt, ít lâu sau, mẹ của Thủy qua đời. Rồi Thủy mắc phải bệnh sốt rét rừng và chết tại một bệnh viện thuộc tỉnh Đồng Nai. Thế là gia đình giáo sư Thương lâm cảnh bi thương cùng cực.

Tấn ngưng thật lâu. Màn đêm đã hoàn toàn chiếm ngự. Ánh sáng mờ vàng của đèn đường không đủ sáng để tôi có thể nhìn thật rõ khuôn mặt Tấn, nhưng tôi biết anh chất chứa nhiều tâm sự lúc này. Gió khuya lành lạnh. Chúng tôi đi ngang qua khu dân cư. Không gian tĩnh lặng, đường phố đang chìm sâu vào bóng đêm. Trước mặt chúng tôi một công viên nhỏ mới vừa được xây dựng. Không ai nói với ai, chúng tôi cùng tiến vào công viên ngồi xuống thềm đá. Tôi cảm thấy xót thương cho gia đình giáo sư Thương. Thắc mắc, tôi hỏi Tấn:

- Rồi cách nào anh đã gặp lại thầy anh.

Tấn trả lời không do dự:

- Do một tình cờ rất hi hữu.

Chúng tôi chờ đợi. Anh tiếp tục kể:

- Sau khi gia đình bố tôi rời Sài Gòn, công tác tôi càng lúc càng nhiều. Hai năm sau, cơ quan tôi có những tranh chấp nội bộ, hình như họ không muốn sự có mặt của tôi. Do sự dàn xếp của ông thủ trưởng, tôi đã bị kết tội thành phần trí thức nguy hiểm, có tư tưởng phản động và làm phương hại cho nhà nước. Đạo đó, không phải chỉ riêng cơ quan chúng tôi có nạn bè phái xảy ra, nhiều nơi khác cũng vậy. Trong vụ này, tôi đã thua và bị gọi đến trại cải tạo.

Tôi hỏi:

- Anh ở trong đó bao lâu?

- Gần bốn năm thì được thả về.

- Sau khi ra khỏi trại cải tạo, anh có được nhà nước cho làm lại không?

- Vâng, tôi làm tại văn phòng cho một trạm hỏa xa thành phố. Tại đó, tôi gặp lại thầy tôi.

Giọng Tấn trầm hẳn đi. Anh nói trong nỗi xúc động, giọng run run:

- Hôm ấy, theo tờ khai trình, tôi biết có toán tù cải tạo từ ngoài bắc được thả về trong chuyến xe tới. Khi xe ngừng lại, từ phòng giấy của tôi nhìn ra, những hành khách chen lấn hỗn loạn, tôi thấy một người gầy yếu bước xuống sau cùng - người thầy cũ. Ông gầy hẳn, đang loạng choạng bước, nhìn quanh quẩn, như tìm người thân yêu. Tôi muốn chạy ra ôm chầm lấy thầy, rồi quỳ xuống nói lời tạ tội, nhưng tôi không dám bước ra. Nước mắt ràn rụa trên hai đôi má không cầm được. Lòng tôi muốn đến gặp thầy, nhưng mặc cảm tội lỗi trĩu kéo tôi ngồi bất động trên ghế. Tôi lặng nhìn thầy mình khuất dần khỏi trạm xe hỏa, lòng quặn thắt

Càng về khuya, xe cộ và khách bộ hành giảm hẳn đi. Công viên chỉ còn lại chúng tôi. Tôi ngẩng đầu nhìn mây lơ lửng trôi, không định hướng, tôi mơ màng tưởng về cuộc đời trước đây của Tấn. Anh tiếp:

- Rồi cơ hội khác lại đến, tôi đảm trách một công việc trong khu vực thầy tôi ở, và tôi đã chạm mặt ông. Chúng tôi đối diện nhau trên con hẻm mà chiều nay chúng ta đi qua. Tôi nhận ra bố tôi ngay, tôi hết sức lúng túng, cúi đầu toan lẩn trốn, nhưng không kịp, ông đã nhận ra tôi. Trong cơn xúc động, Tấn nói gần như khóc:

Khi tôi định lảng đi vì hổ thẹn, thì ông đã ân cần mời tôi về nhà và rót trà mời tôi uống. Khi tôi tìm cách xin lỗi về hành động của tôi trong quá khứ, ông gạt đi và

cho rằng lúc đó tôi chỉ là một thanh niên trẻ, suy nghĩ chưa tới nên mới hành động như vậy. Kể từ đó, tôi chăm sóc thầy mình như cha ruột. Anh ngừng một lát rồi tiếp:

- Ông bà thấy đó, bố tôi sống rất cô đơn, chẳng còn thân nhân nào ở đây cả! Tôi và nhà tôi ngồi bất động trên thềm đá. Chúng tôi chưa từng gặp bất cứ ai đã chọn con đường tạ tội như Tấn đã làm. Tôi thắc mắc:

- Từ đó, anh gặp giáo sư Thương thường xuyên lắm phải không.

- Vâng, chúng tôi gặp nhau hằng tuần. Nhờ đến gần bố tôi, tôi có dịp tìm hiểu thêm về ông.

- Tôi nhận thấy tinh thần của giáo sư Thương còn sáng suốt lắm, đúng vậy không?

- Vâng, bố tôi nhớ rõ từng chi tiết trong cuộc sống. Ông kể chuyện trong tù bí quyết để có tinh thần luôn vui thỏa, dù sức khỏe có kém dần. Ông tin cậy vào Thiên Chúa, đặt niềm tin sắt son vào lời Kinh-thánh. Vì thế mà ông sống mạnh mẽ và còn chia sẻ niềm tin của ông với bạn tù. Bố tôi thuộc lòng nhiều bài thánh ca, đó là lý do giúp ông sống lạc quan và hy vọng trong nghịch cảnh. Bố tôi cho đó là chìa khóa giúp ông phấn đấu để đi qua đoạn đường gian khổ mà ông biết chắc rằng Thượng đế có chương trình cho những người đặt niềm tin nơi Ngài.

Với bố tôi niềm tin nơi Thiên Chúa, Đấng đã chịu khổ nạn vì tội lỗi loài người, chịu đóng đinh trên thập giá, và đã sống lại, chính quyền năng phục sinh đó đã giúp ông sống vui, sống phong phú, vì vậy ông còn có nghị lực phấn đấu và đã chia sẻ niềm tin của mình với bạn bè, những bạn tù cùng trại đang sống trong thất vọng, chán nản. Tôi hỏi Tấn:

- Như vậy tình cảm giữa anh và giáo sư Thương hoàn toàn hàn gắn lại phải không?

- Đúng vậy. Bố tôi là người nhân từ và có lòng tha thứ dồi dào. Ông thuộc lòng nhiều câu Kinh-thánh, và ông sống cam kết với Thiên Chúa bằng cách thực thi điều dạy của Ngài. Tôi nhớ mãi điều này, khi tôi hoang mang lo lắng về sự tha thứ của ông, chính ông đã giúp tôi biết chắc chắn là ông đã tha thứ hoàn toàn hành động thiếu sót của tôi. Bố tôi hay nhắc lại lời Kinh-thánh sau: Hãy ở với nhau cách nhơn từ, đầy dẫy lòng thương xót, tha thứ nhau như Đức Chúa Trời đã tha thứ anh em trong Đấng Christ vậy.

Không gian dường như đang chìm dần vào tĩnh lặng tuyệt vời. Tấn hít một hơi thật dài không khí trong lành của đêm, rồi nói một cách sáng khoái:

- Ngày trước, bố tôi dạy tôi tiếng Anh để giao tế, để tiến thân. Sau này, tôi học với ông về niềm tin đặt nơi Đấng mà chính ông đã phó thác trọn vẹn đời sống của mình cho Ngài. Ông tin Chúa Giê-xu. Tôi đã khám phá ra điều thật cần thiết để có thể đạt được nếp sống ấy là biết phó thác mình cho Ngài. Tình yêu của Chúa Giê-xu trong bố tôi đã chinh phục tôi. Hiện nay, tôi đang sẵn sàng bố tôi mỗi ngày, tôi thật thỏa lòng và niềm vui trong tôi thật đầy trọn, vì không những tôi được ông xem như con ruột, mà còn được sự tha thứ dồi dào của ông.

- Như vậy, anh cũng đặt niềm tin nơi Thiên Chúa.

- Vâng, tôi đã quyết định tin Chúa một năm sau khi gần gũi, chăm sóc và học hỏi từ bố tôi. Vì thế, chẳng những tôi đã tạ tội với vị thầy cũ, còn tạ ơn Thiên Chúa đã đưa đẩy chúng tôi vào nghịch cảnh, để rồi cả hai cùng kinh nghiệm tình yêu và sự tha thứ dồi dào của Thiên Chúa. Bố tôi vui vì biết tôi cảm nhận được tình yêu ấy, còn tôi thì tạ ơn Thiên Chúa đã thay đổi sự suy nghĩ của tôi về cuộc đời. Tôi không còn sống trong mặc cảm tội lỗi trước đây, trái lại tôi đang sống thỏa vui với con người thật của mình, con người được Thiên Chúa biến đổi lạ kỳ...

Chúng tôi lưu luyến chưa muốn chia tay, nhưng Tấn cần đón chuyến xe buýt cuối để về nhà. Chúng tôi băng qua bên kia đường chờ xe. Từ xa, có chiếc xe buýt đang tiến gần đến. Tấn bắt tay tôi thật chặt và nói:

- Hân hạnh được quen biết ông bà, hy vọng sau này chúng ta có dịp gặp lại. Xin ông bà nhắn với giáo sư Thịnh là đừng lo lắng chi về ông cụ tôi, đã có người lo săn sóc ông chu đáo rồi.

Về đêm, chiếc xe buýt gần như trống không. Lên xe, anh ngồi cạnh cửa sổ, vẫy chào chúng tôi lần cuối. Xe khởi chạy, chúng tôi băng khuâng lặng nhìn chiếc xe đưa Tấn xa dần, rồi khuất hẳn. Còn lại hai chúng tôi đang rào bước bên nhau. Nhưng câu chuyện của Tấn và người thầy cũ đang chiếm cả tâm tư chúng tôi... Một cuộc gặp gỡ đầy kỷ niệm khó quên...

Chúa Giê-xu có thực sự sống lại từ cõi chết không?

Kẻ thù cũng như thân hữu của người tin Chúa Giê-xu đều công nhận rằng sự phục sinh của Chúa Giê-xu chính là nền móng của đức tin. Sứ đồ Phao lô ngày xưa viết cho cộng đoàn dân Chúa ở thành phố Cô-rinh, là những người không công nhận sự sống lại của người đã chết, rằng: *“Nếu Chúa Cứu Thế không sống lại, thì việc truyền giảng của chúng tôi thật vô ích, và đức tin của anh chị em cũng vô ích.”* Như thế ta thấy rằng Sứ đồ Phao lô đặt nặng vấn đề sống lại trong thân xác của Chúa Giê-xu và đặt câu hỏi: *Chúa Giê-xu có thực sự sống lại từ cõi chết hay không?*

Vì nếu Chúa Giê-xu thực sự sống lại, thì đây là một biến cố gây nhiều chấn động nhất trong lịch sử nhân loại và chúng ta có thể trả lời dứt khoát những câu hỏi rất sâu xa về cuộc đời chúng ta như: *Con người chúng ta từ đâu phát sinh ra? Tại sao chúng ta có mặt ở đây? Sau cuộc đời này chúng ta sẽ đi về đâu?* Nếu Chúa Giê-xu thực sự sống lại thì chúng ta biết chắc chắn Thượng Đế hiện hữu, Thượng Đế là ai? Con người có thể tiếp cận với Thượng Đế không? Còn nhiều điều được xác định nếu Chúa Giê-xu thực sự sống lại từ cõi chết.

Mặt khác, nếu Chúa Giê-xu không sống lại từ cõi chết, thì Cơ-đốc-giáo chỉ là một món đồ cổ trưng bày trong bảo tàng viện mà thôi, không hơn không kém. Cơ-đốc-giáo trở thành một hệ thống tư tưởng cao xa hay là một triết lý mới, dần dần cũng mai một theo thời gian, không đáng bàn đến nữa. Những người vì giữ đức tin mà bị thú dữ xé xác tại đấu trường La-mã khi xưa, hay những người hi sinh mạng sống rao truyền tin mừng về Chúa Giê-xu đến các dân tộc sơ khai, đã man, trở thành những kẻ điên rồ ngu dại.

Đối với kẻ thù của Cơ-đốc-giáo, thì xưa nay sự phục sinh của Chúa Giê-xu vẫn là tâm điểm để tấn công bài bác, vì được coi là then chốt của mọi vấn đề. Cuộc tấn công quan trọng nhất xảy ra cách đây hơn nửa thế kỷ, do một luật gia người Anh lên kế hoạch và đích thân triển khai. Luật gia này cho rằng Phục sinh chỉ là một chuyện ngụ ngôn hoang tưởng, nhưng rồi trở thành nền móng cho niềm tin Cơ-đốc. Vì vậy người ấy quyết tâm mở cuộc nghiên cứu, điều tra thật tường tận để rồi chứng minh cho toàn thế

giới biết rằng chuyện Chúa phục sinh là lừa bịp và mê tín dị đoan. Theo đúng phương cách điều tra của ngành luật, người này đã cân nhắc tất cả các dữ kiện và chỉ chấp nhận những gì có thể đưa ra như bằng chứng trước tòa án hiện đại.

Tuy nhiên trong thời gian nghiên cứu như vậy, người này nhận thấy việc làm này không dễ. Sau cùng, người ấy đã viết một cuốn sách, không phải để phản bác sự phục sinh, nhưng để chứng minh rằng Chúa Giê-xu thực sự đã sống tại. Cuốn sách của luật gia này mang tựa đề là: *“Ai đã lăn tảng đá ra?”* (*Who Moved the Stone?*) và tác giả là luật sư Frank Morison.

Đây là những dữ kiện minh chứng rằng Chúa Giê-xu thực sự sống lại từ cõi chết? Xin đơn cử các dữ kiện đó:

1. Giáo hội Cơ-đốc. Đây là một giáo hội có lịch sử bắt nguồn từ xứ Palestine, vào khoảng năm 32 sau Công nguyên. Giáo hội này tự nhiên phát xuất hay có biến cố nào khai sinh ra? Những người tin Chúa Giê-xu trong thời đó thực sự đã làm đảo lộn xã hội loài người. Những người này đã lấy sự phục sinh làm chủ đề chính để truyền giảng tin mừng, truyền bá chân lý, làm lễ sống và cả lý do để chết nữa. Nếu Chúa Giê-xu không thực sự sống lại, thì chắc chắn Cơ-đốc-giáo không thể tồn tại cho đến ngày nay được.

2. Ngày Chủ nhật. Chủ nhật là ngày dành để thờ phượng Chúa trong giáo hội Cơ-đốc. Lịch sử ngày này bắt đầu vào năm 32 sau Công nguyên. Đây là một thay đổi trong niên lịch của thế giới, và chắc chắn phải có một biến cố đặc biệt mới đưa đến việc thay đổi này. Vì khi ấy người Do-thái đang giữ ngày thứ bảy trong tuần lễ làm ngày an nghỉ và thờ phượng. Người tin Chúa Giê-xu đổi sang ngày thứ nhất trong tuần lễ. Và để kỷ niệm ngày Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết, họ gọi đó là ngày của Chúa, tức là Chủ nhật hay Chúa nhật. Người Trung hoa vẫn gọi ngày Chủ nhật là Lễ Bái Nhật. Việc thay đổi này rất đáng chú ý, vì tín đồ của Chúa Giê-xu lúc ban đầu toàn là người Do-thái cả. Nếu không do biến cố Chúa Giê-xu phục sinh đã khiến cho ngày Chủ nhật khai sinh, thì có lý do nào khác hay không? Người ta không bao giờ tìm được lý do nào khác cả.

3. Kinh Thánh Tân Ước của Giáo hội. Kinh Thánh Tân Ước cũng là một

bằng chứng. Vì trong sách này có ghi lại sáu lời chứng về cuộc phục sinh của Chúa Giê-xu. Ba lời chứng là của những nhân chứng mục kích gặp gỡ Chúa phục sinh. Đó là các sứ đồ Giăng, Phi-e-rô (hay Phê-rô) và Ma-thi-ơ. Khi sứ đồ Phao-lô viết thư cho các cộng đoàn giáo hội ở các nước, ông đã đề cập đến sự phục sinh của Chúa Giê-xu một cách quả quyết như một sự kiện mà mọi người đều đã biết, đã chấp nhận mà không nghi ngờ gì cả. Những nhân chứng này đã có công trong việc biến cải cơ cấu luân lý đạo đức của xã hội, có thể nào họ là những kẻ dối gạt hay những người điên cuồng mất trí được chăng?

4. Ngôi mộ trống. Về ngôi mộ của Chúa Giê-xu, người ta có bốn giả trình như sau:

a. Theo phúc âm Ma-thi-ơ chương 28:11-15 có ghi lại phản ứng của các vị trưởng tế và các lãnh đạo Do-thái khi những người lính canh ngôi mộ của Chúa Giê-xu báo cáo với họ rằng xác của Chúa Giê-xu đã biến mất khỏi mộ. Các nhà lãnh đạo này đã cho lính gác nhiều tiền, để họ tung tin rằng, trong lúc họ gác mộ, đã ngủ mê, các môn đệ của Chúa Giê-xu đã đột nhập vào lấy cắp xác Chúa mang đi. Đây là mưu mẹo của các lãnh đạo Do-thái lúc ấy, vì bọn lính gác đã báo cáo rằng: trong lúc họ ngủ, có một cơn động đất, đá chặn cửa mộ bật tung ra và Chúa Giê-xu đã sống lại. Luận cứ của các lãnh đạo Do-thái nhằm đánh lạc hướng, đã không thuyết phục được ai cả. Ngoài ra, những người lính gác cũng không thể nào làm chứng trước một tòa án nào được, vì không có bằng cứ về vụ trộm xác, và lại đã nhận tiền hối lộ của quan trên để phao tin này.

Người ta còn phải nhận rằng việc lấy cắp xác Chúa Giê-xu là chuyện không thể nào có được, vì các môn đệ không lấy cắp xác Chúa để làm gì cả.

Người ta chỉ hi sinh khi nào biết chắc việc mình tin là xác đáng, là chân thực, không ai bao giờ chịu bỏ sinh mạng về một sự việc nào mà đã biết là giả dối, không có thật. Ta nên nhớ rằng, dù đối trá đến đâu, một môn đệ nhân chứng khi gần chết cũng tiết lộ sự thật, bởi vì còn gì nữa đâu mà đối trá. Tất cả các môn đệ Chúa Giê-xu cho đến khi tử vì đạo, không một ai phủ nhận sự kiện Chúa sống lại, vì chính lý do này đã khiến họ tử đạo. Việc Chúa Giê-xu hiện ra tại

nhiều nơi sau khi Chúa Giê-xu sống lại cũng là một điều khó giải thích, nếu nói rằng môn đệ đã lấy cắp xác.

b. Người ta có thể đưa ra một giả thuyết là nhà cầm quyền La-mã và Do-thái lúc ấy đã lấy xác Chúa Giê-xu đem giấu đi. Nhưng họ làm thế vì mục đích nào? Vì đã cắt lính canh mộ và niêm phong mộ cẩn thận mà! Hơn nữa, nếu họ giấu xác Chúa, thì tại sao họ đành im lặng trong lúc các môn đệ Chúa đi khắp nơi rao truyền là Chúa Giê-xu đã sống lại từ cõi chết? Muốn bịt miệng các sứ đồ, họ chỉ cần cho công chúng thấy xác chết của Chúa Giê-xu là từ đó không còn ai dám nói đến việc Chúa phục sinh nữa. Và chắc chắn cũng sẽ không làm gì có Cơ-đốc-giáo!

c. Về ngôi mộ trống của Chúa Giê-xu lại có thể có giả thuyết cho rằng các bà đi thăm mộ Chúa lúc trời còn tối nên đã nhầm một ngôi mộ khác, trong đó không có xác chết. Sau đó họ phao tin Chúa sống lại. Giả thuyết này rất non kém. Vì nếu các bà này đi nhầm vào ngôi mộ khác, thì tại sao kẻ thù của Chúa không đến ngôi mộ chính mà lấy xác Chúa ra chứng minh? Hơn nữa, khi ông Giăng và Phi-e-rô đến mộ trễ hơn, đã thấy rõ mộ trống và không thể nhầm lẫn được.

d. Cũng có thể đặt giả thuyết là sau khi bị hành hình trên thập giá, Chúa Giê-xu không chết hẳn, mà chỉ bị ngất đi vì các vết thương và mất nhiều máu. Khi đặt vào trong hang mộ, hơi lạnh đã làm Chúa dần tỉnh lại, rồi ra khỏi mộ và đi gặp các môn đệ. Nhưng ta thử nghĩ xem có người nào bị thương tích đầy mình, kiệt sức mà có thể sống trong hang mộ lạnh lẽo suốt ba ngày không có nước uống, không thức ăn hay không? Hơn nữa làm sao sống nổi với vải liệm cuốn kín từ đầu đến chân và hương liệu đầy liệm ra, đẩy tảng đá lớn sang một bên, đánh bọn lính gác rồi chạy thoát được không? Hơn nữa, nếu Chúa chỉ ngất đi và trốn ra khỏi mộ, đi gặp các môn đệ thì có làm cho những người này tin rằng Chúa sống lại và đi loan báo hay không? Ngoài ra, nếu Chúa thoát chết như vậy thì có bao giờ Chúa chết thật lần nữa hay không?

5. Việc Chúa Giê-xu xuất hiện sau khi phục sinh.

Chúa Giê-xu đã xuất hiện nhiều lần sau khi sống lại từ cõi chết. Người ta ghi được mười lần chính. Những lần này xảy ra vào thời gian, địa điểm và với những người khác nhau. Có khi Chúa gặp một người, hai ba người hay nguyên một nhóm người và đông nhất là một đám đông 500 người. Địa điểm gặp gỡ khác nhau. Thoạt tiên là ngay trong khu vườn gần hang mộ trống, rồi trong căn phòng nơi mà các môn đệ đang ẩn trốn vì sợ bị truy lùng. Một lần trên đường về làng Em-ma-út, một lần khác thật xa Giê-ru-sa-lem, mãi tận Ga-li-lê. Mỗi lần xuất hiện Chúa đều có những hành động và lời dạy khác nhau.

Nếu ngôi mộ trống không đủ để phản bác lý luận cho rằng việc Chúa phục sinh là huyền thoại hay bịp bợm giả trá, thì việc Chúa xuất hiện trước nhiều nhân chứng đã làm cho các lý luận này trở thành gán ép. Vì không ai có thể bảo việc Chúa xuất hiện trước mọi người sau khi sống lại là huyền thoại được. Nhân chứng đồng đảo đã xác nhận Chúa thật sự sống lại.

Xưa nay cũng có những người bài bác ngay cả lời các nhân chứng gặp Chúa phục sinh nữa. Một số người lý luận rằng các nhân chứng ấy thật ra không gặp Chúa, mà chỉ thấy ảo ảnh. Nghĩa là họ có ảo tưởng gặp Chúa đó thôi.

Dĩ nhiên con người hay có ảo giác, nhất là đối với các hiện tượng siêu nhiên. Nhưng qua các nghiên cứu của y khoa ngày nay, người ta biết được một số định luật liên quan đến hiện tượng gọi là ảo giác đó. Khi đem các định luật này áp dụng vào trường hợp các nhân chứng đã từng gặp Chúa sống lại, thì thấy rằng họ không phải là những người có ảo giác.

Ảo giác thường xảy đến cho những người giàu tưởng tượng và tâm trí không được bình tĩnh cho lắm. Nhưng Chúa Giê-xu đã xuất hiện trước đủ hạng người. Trước các phụ nữ già nua giàu cảm xúc, nhưng cũng ngay trước mắt các tay đánh cá mặt dày mày dạn như Phi-e-rô và các môn đệ khác của Chúa là những người thuộc đủ mọi cá tính.

Ảo giác cũng rất chủ quan và cá nhân. Nghĩa là không thể nào hai người cùng thấy một ảo giác được. Trong trường hợp Chúa Giê-xu sống lại thì Ngài không xuất hiện cho cá nhân nào nhưng cho nhiều nhóm người, nhóm đông nhất lên đến 500 người. Không có lý nào cả mấy trăm người cùng thấy một ảo giác, là một điều phản khoa học?

Một điểm khác, y khoa cho hay rằng, ảo giác thường chỉ xảy ra vào những thời điểm và nơi chốn đặc biệt, lại cũng thường liên quan tới những sự kiện ngộ nghĩnh. Nhưng những lần Chúa Giê-xu xuất hiện trước mắt các nhân chứng thì vừa ở ngoài trời lại vừa ở trong nhà. Buổi sáng có, buổi chiều và buổi tối đều có. Như thế không phải ảo tưởng hay ảo giác.

Y khoa còn cho hay rằng ảo tưởng hay ảo giác xảy ra liên tiếp trong một thời gian dài và đều đặn. Nhưng việc Chúa Giê-xu sau khi Ngài sống lại chỉ xảy ra một thời gian có 40 ngày và sau đó đột nhiên chấm dứt. Không có ai nói là thấy Chúa nữa.

Niềm Tin Minh Họa

Ba cây thập tự

Trên đồi Gô-gô-tha khi xưa có ba cây thập tự. Trên mỗi cây thập tự có một tử tội.

Người bên trái là người [chết trong tội](#), vì anh ta không tin nhận Chúa Giê-xu là Cứu Chúa của mình.

Người bên phải là người [chết về tội](#) vì anh ta đã tin Chúa là Cứu Chúa của đời mình, dù trong một giây phút ngắn ngủi trò chuyện với Chúa.

Nhưng ở chính giữa là một người [chết thay cho kẻ tội phạm](#). Tử tội ở chính giữa có thể chết thay cho người khác, vì Người chính là Con Trai của Thượng Đế, Người hoàn toàn vô tội, nhưng đã bằng lòng hi sinh làm sinh tế chuộc tội ác cho toàn thể nhân loại.

Cây thập tự chính giữa cũng đã thay đổi ngay tình trạng của tử tội phía bên phải, vì anh này bằng lòng tin nhận Người là Đấng vô tội và là Con Trai của Đức Chúa Trời. Tức khắc anh tử tội này được nhận vào nước Trời, mặc dù chết đau thương giây phút sau đó. Cây thập tự chính giữa đã phân biệt hẳn tử tội bên phải với tử tội bên trái. Một người sẽ vào thiên đàng, còn người kia đi hỏa ngục.

Nhưng điểm quan trọng về cây thập tự chính giữa là tử tội sau khi chết đã phục sinh, đã xuất hiện trước các môn đệ và sau đó đã thăng thiên trở về trời, vì Người không thuộc về cõi trần gian tội ác này.

Hai kẻ tử tội ở hai bên Con Trai Đức Chúa Trời trên đồi Gô-gô-tha hôm ấy đại diện cho toàn thể nhân loại ngày nay.

Người bên phải đã tin nhận Chúa, được tha thứ tội và được hứa vào ngày

nơi phước lạc với Chúa. Người này đại diện cho những ai tin nhận Chúa Giê-xu ngày nay.

Người bên trái phủ nhận Chúa, nói những lời ngạo mạn thách thức đối với Ngài, sẵn sàng vào hỏa ngục để lãnh án tử hình vĩnh viễn. Người này đại diện cho tất cả những ai không tin nhận Chúa trên đời này và chờ đợi một ngày cuối cùng kinh hoàng và tuyệt vọng.

Hai tử tội trên đồi Gô-gô-tha đều có cơ hội ở gần sát bên Chúa Cứu Thế và thời gian lựa chọn tin nhận Chúa như nhau. Nhưng một người bằng lòng tin nhận, còn người kia theo đa số dân chúng khinh khi và thách thức Ngài. Ngày nay trên đời cũng có những cơ hội ngắn ngủi cho mỗi chúng ta để hoặc quyết định tin Chúa ngay, hoặc tiếp tục phủ nhận và không tin Chúa. Nhưng không ai biết được còn bao lâu nữa để lựa chọn, vì cơ hội ít khi chờ đợi ta.

Ta hãy nghĩ về ba cây thập tự trên đồi Gô-gô-tha khi xưa và theo gương người tử tội đã tin nhận Chúa. Một điều mà ít ai nhận ra là chính mỗi chúng ta cũng là những tử tội chờ ngày hành quyết, nhưng ai bằng lòng tin nhận Chúa Giê-xu, Đấng đang sống và sẵn sàng tiếp rước mỗi người, thì người ấy sẽ thoát khỏi án tử hình vĩnh hằng và được Chúa hứa như Ngài đã hứa với kẻ tử tội trên đồi Gô-gô-tha trên 2000 năm xưa.

Phép lạ

Trong khoảng thập niên 70 có một vị mục sư người Nga đi xe lửa ngồi bên cạnh một người vô thần. Hai người trao đổi với nhau một lát và câu chuyện xoay sang đề tài tôn giáo. Hai bên đều bênh vực cho niềm tin của mình. Vị mục sư lấy Kinh-thánh ra đọc một vài khúc cho người vô thần nghe. Cuộc đối thoại trở thành vô ích vì không ai chịu ai cả. Hai người nói chán rồi im lặng.

Vị mục sư đứng lên, để cuốn Kinh-thánh thành hành ghế, đi vào vệ sinh trên tàu. Khi trở lại thì cuốn Kinh-thánh biến đâu mất, và người vô thần đang đóng cửa sổ lại. Anh ta nói rằng, đã ném cuốn Kinh-thánh đi để ông mục sư cũng như bất cứ ai không đọc cuốn sách vô bổ ấy nữa.

Cuộc hành trình tiếp tục trong yên lặng, và sau cùng hai người xuống các ga khác nhau.

Việc tranh luận kể trên và Kinh-thánh bị ném đi như thế rất thường tại

Nga. Nhưng câu chuyện không dừng tại đó.

Một vài tháng sau, mục sư đang ở nhà thì có một người lạ mặt đến xin gặp.

Người này ở một làng gần đó, đến xin được làm báp-tem. Mục sư hỏi anh ta là hội viên của nhà thờ nào, thì người ấy nói:

-Tôi không là hội viên nhà thờ nào cả, nhưng tôi được đọc Kinh-thánh, tôi biết về Chúa Giê-xu, và tôi muốn xin làm báp-tem.

Vị mục sư này ngạc nhiên không hiểu vì sao người này có được Kinh-thánh, vì ở Liên-xô trong thời gian ấy rất khó kiếm Kinh-thánh. Người lạ nói rằng, cách đó vài tháng, khi đang xây cất nhà ở gần đường xe lửa, thì một chuyến tàu chạy qua và từ trong cửa sổ có người ném ra một quyển sách, và sách rơi ngay trên đồng cát mà anh ta đang xây dựng. Anh nhặt sách lên, phủi sạch cát, thì thấy đó là một cuốn Kinh-thánh. Từ đó anh ta bắt đầu đọc Kinh-thánh. Anh ta lấy trong túi ra cho mục sư xem cuốn Kinh-thánh, thì mục sư nhận ra chính là cuốn Kinh-thánh của ông mà người vô thần kia đã ném đi.

Tất nhiên là mục sư không lấy lại cuốn Kinh-thánh đó. Anh bạn mới của mục sư tiếp tục đọc Kinh-thánh và sau một thời gian học đạo, đã chịu lễ báp-tem.

Anh trở về làng, chia sẻ niềm tin cho người khác, và trong vài năm sau đó, nhiều người trong làng tin Chúa.

Nếu cuốn Kinh-thánh ấy không bị người vô thần kia ném đi, thì làm sao người làng ấy có thể tin Chúa được.

Bạn có nghĩ đây là một phép lạ hay không?

Chân Trời Mới

Chủ nhiệm & Chủ bút

Nguyễn Sinh

Giám đốc Điều hành

Hồ Xuân Phú

PO Box 4568 Anaheim CA 92803

Phone: 714 758-8767

E-mail: info@vpns.org

n_sinh@yahoo.com

Từ cõi chết trở về

Chuyện xảy ra tại một buôn người Thượng nhiều năm trước đây, làm cho hằng trăm người trong vùng đó sau phải tin nhận Chúa.

Có hai ông bà trước kia phục vụ Chúa, nhưng rồi về già, chỉ kiếm ăn qua ngày bằng cách đi kiếm củi. Mỗi ngày ông đẩy xe bò lên một vùng đồi để hai vợ chồng nhặt củi. Hai đứa con cũng chạy theo. Một hôm, như thường lệ, bà lên đồi trước ngồi chờ ông đẩy xe lên. Tuy nhiên chờ mãi không thấy ông đâu cả. Hồi lâu hai đứa trẻ hốt hoảng chạy lên báo tin rằng ông già không hiểu sao bị chiếc xe lật, đè vào cổ không sao gỡ ra được. Bà cụ vừa khóc vừa chạy xuống đồi và cùng hai con cố đẩy chiếc xe sang một bên. Ông lão lúc ấy đã chết. Chỉ nơi ngực là còn hơi ấm mà thôi. Ba người cố vực ông lên xe bò và đẩy đến trạm y tế trong làng.

Người ở trạm y tế banh mắt ông ra xem, bắt mạch tay và cổ, rồi tuyên bố ông đã chết. Mẹ con lại đẩy xe về nhà, vừa đi vừa khóc.

Lạ thay, đặt ông nằm trên giường khoảng nửa giờ thì thân thể bỗng ấm lại. Ông hồi tỉnh và ngồi lên được. Bà cụ mừng rỡ lấy nước nóng cho ông uống và thay quần áo cho.

Ông lão mặt dần tươi trở lại và bắt đầu nói. Ông kể rằng, ông đã chết thật và được một thiên sứ đưa xuống hỏa ngục để thấy cảnh gào thét của những tội nhân. Ông không chịu nổi, xin thiên sứ cho đi nơi khác. Thiên sứ đưa ông lên thiên đàng, tại đó có nhiều người mặc áo trắng đón mừng.

Nhưng trước khi ông được mặc áo trắng như họ, một vị thiên sứ đưa đến ông một quyển sách lớn. Sách này có ba phần. Phần thứ nhất ghi lại những tư tưởng của ông. Phần thứ hai ghi lại tất cả những việc làm của ông. Phần thứ ba là phần giải thích từng tư tưởng và việc làm của ông từ lúc ra đời cho đến lúc chết.

Ông lão xem kỹ từng trang sách. Thấy rằng khi còn thơ ấu thì tư tưởng và việc làm trông cũng khá quan lẫm. Nhưng càng lớn lên thì lỗi lầm càng nhiều. Những việc giả trá xen lẫn vào những việc làm tốt lành, nhiều khi quá lẫn lộn không phân biệt được nữa. Càng xem ông càng hổ thẹn, vì tự nhận rằng mình không xứng đáng được vào thiên đàng.

Ông không dám nhận chiếc áo trắng, mà xin cho được trở lại trần gian để sống cho xứng đáng, chuộc lại những lỗi lầm của mình. Đúng vào lúc ấy ông tỉnh dậy và thấy mình đang nằm trong nhà.

Kể từ khi ấy ông quyết tâm nói cho đồng bào biết về Chúa, và khuyên người ta tin nhận Ngài. Cơn phục hưng đã nhen nhúm từ buôn làng này lan sang buôn làng khác như lửa và nhiều người đã tin Chúa.

Câu chuyện người chết trở về ngày nay nghe như huyền hoặc, tuy nhiên ông lão là nhân chứng và quả quyết rằng ông chỉ nói sự thật.

Dù sao chẳng nữa Chúa đã giúp ông quyết tâm còn sống ngày giờ nào là phải tránh xa tội ác và cố tìm cách đưa nhiều người đến tin Chúa.

Đây là một trong những câu chuyện Chúa cứu vớt nhiều người Thượng tại nước ta ngày nay.